

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
H1ỆN TIỀN LÃNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 25-6-2025  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phạm Thị Huyền Trang;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Hữu Bình,
- Ông Phạm Văn T.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Minh Hương - Thư ký Toà án nhân dân Huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại Toà án nhân dân H1ện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn C, xã Quyết T, H1ện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, H1ện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (chị H) trình bày:

Chị Hương và anh T kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Q, H1ện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 5 năm 2013. Quá trình chung sống, anh chị sống hoà thuận được 10 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn

giữa chị Hương và anh T đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Chị H khẳng định, hiện chị không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Đình Gia H1, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2013 và Trần Phương T1, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2017. Kể từ khi anh chị sống ly thân đến nay con Gia H1 do chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng, con Phương T1 do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Hương đề nghị Toà án tiếp tục giao con Gia H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Phương T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, chị Hương xin tự thoả thuận với anh T, không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị Hương xin tự thoả thuận với anh T về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày, xác nhận về thời gian kết hôn, thời điểm sống ly thân, con chung là hoàn toàn đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do bản thân anh gặp khó khăn trong làm ăn kinh tế và bị thua lỗ nhiều nhưng chị Hương lại không tin tưởng nên vợ chồng xảy ra xô sát, bất hoà, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nhưng anh T không đồng ý ly hôn chị Hương. Do anh T không còn giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ nên trường hợp chị Hương vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh, anh đề nghị Toà án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật và đề nghị Toà án giao con Phương T1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Gia H1 cho chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng. Việc dưỡng cho con và về tài sản chung anh xin tự giải quyết với chị Hương, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Anh T và chị Hương kết hôn với nhau vào năm 2013 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị sống hoà thuận được khoảng 10 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh chị có 02 con chung như chị Hương, anh T khai. Kể từ khi anh chị sống ly thân, con Gia H1 do chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt; con Phương T1 do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Trường hợp nếu anh chị phải ly hôn, Toà án nên giao cho anh chị mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con là phù hợp. Anh T có nơi cư trú tại: Thôn C, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Các đương sự không ai có văn bản thể hiện việc thay đổi quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp, hoà giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị H được ly hôn anh Trần Văn T; giao con Trần Phương T1, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Trần Đình Gia H1, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2013 cho chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Chị Hương phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị H thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Trần Văn T là bị đơn, có nơi cư trú: Thôn Cổ Duy, xã Quyết T, H1ện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H1ện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn (chị H) vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn (anh T) đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị Hương, anh T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quyết T vào ngày 16 tháng 5 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị H xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn chị H. Xét thấy, lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của bị đơn và kết quả xác minh tại địa phương, sự phù hợp đó thể hiện: Trong thời gian chung sống anh chị chung sống hoà thuận với nhau được 10 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên bất hoà. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân nhau từ

đầu năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù anh T không đồng ly hôn chị H nhưng trong thời gian anh chị sống ly thân, anh T không có giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Mặt khác, chị H khẳng định chị không còn tình cảm với anh T, không thể đoàn tụ, chung sống lâu dài cùng anh T. Do đó có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Đình Gia H1, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2013 và Nguyễn Phương T1, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2022. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu Gia H1 do chị H trực tiếp nuôi dưỡng tốt; cháu Phương T1 do anh T trực tiếp nuôi dưỡng tốt. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị không tranh chấp với nhau về con chung và đã thống nhất, thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; cháu Gia H1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, cháu Phương T1 có nguyện vọng được ở cùng với bố. Xét thấy, chị Hương, anh T đều có việc làm, có thu nhập, có nơi ở ổn định, đủ điều kiện nhận trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh chị không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện hiện tại của anh chị và nguyện vọng của các con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con Nguyễn Gia H1 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Phương T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 25 tháng 6 năm 2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con, các đương sự xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con Trần Đình Gia H1, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Trần Phương T1, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2017 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 25 tháng 6 năm 2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Hương đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số **0000012** ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự H1ện Tiên Lãng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND H1ện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS H1ện Tiên Lãng;
- UBND xã Quyết T, H1ện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 11/2023);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Huyền Trang**